

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Cơ khí - Động lực; Chuyên ngành: Chế tạo máy.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ MINH TÀI

2. Ngày tháng năm sinh: 20/4/1984; Nam; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thạnh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 311A, Tổ 8, Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

LÊ MINH TÀI, Khoa Cơ khí Chế tạo máy, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, số 1 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0948996955; E-mail: tailm@hcmute.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 2 năm 2012: Giảng viên Bộ môn cơ khí, Trung tâm Đào tạo Việt Đức, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Từ tháng 2 năm 2012 đến tháng 6 năm 2015: Nghiên cứu sinh tại Đại học quốc lập Khoa học và Công nghệ Cao Hùng, Đài Loan

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 6 năm 2015 đến năm 2016: Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Công nghiệp, Bí thư Đoàn khoa Cơ khí Chế tạo máy, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Từ 2016 đến năm 2018: Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp, Bí thư Đoàn khoa, Khoa Cơ khí Chế tạo máy, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Từ 2018 đến năm 2020: Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp, Chi ủy viên Chi bộ 4, Khoa Cơ khí Chế tạo máy, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Từ 2020 đến nay: Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp, Khoa Cơ khí Chế tạo máy, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn, Chi ủy viên

Cơ quan công tác hiện nay: trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

Địa chỉ cơ quan: số 1 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại cơ quan:.....

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 19 tháng 05 năm 2008; số văn bằng: A0023976; ngành: Kỹ thuật Công nghiệp, chuyên ngành: Cơ khí; Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 21 tháng 02 năm 2011; số văn bằng: A008615; Công nghệ Chế tạo máy; chuyên ngành: Cơ khí; Nơi cấp bằng ThS: Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 13 tháng 06 năm 2015; số văn bằng: EC00983243; ngành: Kỹ thuật Cơ khí; chuyên ngành: Cơ khí Chế tạo; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Quốc lập Khoa học và Công nghệ Cao Hùng, Đài Loan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ...năm ... , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí - Động lực

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kỹ thuật vật liệu cơ khí

- Kỹ thuật sản xuất, hậu cần và năng lượng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp trường trọng điểm tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM;
- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó có 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 01 bằng độc quyền sáng chế;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
- Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp trường năm học 2015-2016, 2016-2017
- Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021
- Giấy khen của hiệu trưởng về thành tích Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác năm 2018
- Giấy khen của hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong công tác Tư vấn hướng nghiệp năm 2019, 2020
- Bằng khen của Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn:

+ Bản thân ứng viên tự đánh giá có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật giáo dục: có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng.

+ Bản thân ứng viên tự đánh giá có đủ tiêu chuẩn chung trong điều 4 của chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư, cũng như trong điều 6 về tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư: thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên là 12 năm 2 tháng tại Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM; có bằng tiến sĩ (từ 6/2015); có 7 năm tham gia giảng dạy trình độ đại học; là tác giả chính của 13 bài báo SCIE/Scopus; đồng tác giả 1 bằng độc quyền sáng chế, chủ trì 2 đề tài NCKH cấp trường trọng điểm; hướng dẫn thành công 2 Thạc sĩ.

- Về nhiệm vụ: Bản thân ứng viên tự đánh giá luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy của một nhà giáo, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 2 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SDH | |
| 1 | 2015-2016 | 0 | 0 | 0 | 03 | 585 | 0 | 585/564,12/162 |
| 2 | 2016-2017 | 0 | 0 | 0 | 04 | 441 | 0 | 441/566/162 |
| 3 | 2017-2018 | 0 | 0 | 0 | 01 | 476 | 0 | 476/540,1/162 |
| 4 | 2018-2019 | 0 | 0 | 0 | 05 | 375 | 0 | 375/423,25/229,5 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 5 | 2019-2020 | 0 | 0 | 02 | 14 | 440 | 0 | 440/487,21/229,5 |
| 6 | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 | 10 | 539 | 0 | 539/561,58/216 |
| 7 | 2021-2022 | 0 | 0 | 0 | 06 | 458 | 0 | 458/487,54/216 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH tại nước: Đài Loan năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Ứng viên giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh môn học Materials Science cho sinh viên hệ Đào tạo chất lượng cao Tiếng Anh trình độ ĐH ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ Chế tạo máy và Công nghệ Kỹ thuật ô tô trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, Việt Nam.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC 700

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSN T | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|---|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|---|---|--|
| | | NCS | HVCH/ CK2/B SNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Hoàng Văn Vinh | | x | x | | 28/8/2019- 28/2/2020 | Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM | 18/8/2020 |
| 2 | Nguyễn Trung Tín | | x | x | | 28/8/2019- 28/2/2020 | Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM | 18/8/2020 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|--|----------------------------------|--|---------------|----------|--|---|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | Giáo trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế chi tiết cơ khí | GT | NXB Đại học Quốc gia TP.HCM 2020 | 10 | | 11-35 | 2442- 2020/CXBIPH/17- 53/ĐHQGTPHCM ISBN: 978-604-73- 7805-0 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----|--|-----------|-------------------------|------------------------|---|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | |
| ... | | | | | |

| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
|----|--|----|------------|---------------|-----------------------------|
| 1 | Chế tạo vật liệu Nanosilica và nghiên cứu ảnh hưởng của nó trong cơ tính của composite nền cao su thiên nhiên | CN | T2019-14TĐ | 5/2019-5/2020 | 12/5/2020 Xếp loại: Tốt |
| 2 | Ứng dụng các kỹ thuật tối ưu xác định các thông số xử lý trong công nghệ ép phun sản phẩm composite để giảm co rút | CN | T2020-58TĐ | 5/2020-5/2021 | 29/10/2021 Xếp loại: Tốt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|------------------|--|---|--|--------------------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | | |
| 1 | Hexagonal Representative Volume Element for Modeling and Analysis of Mechanical Properties of Carbon Nanotube Reinforced Composites | 2 | x | Applied Mechanics and Materials, Online ISSN: 1662-7482 | Scopus | 3 | Vols 496-500, pp 251-254 | 1/2014 |
| 2 | Modeling and Analysis the Effect of Helical Carbon Nanotube Morphology on the Mechanical Properties of Nanocomposites Using Hexagonal Representative Volume Element | 2 | x | Applied Mechanics and Materials, Online ISSN: 1662-7482 | Scopus | 2 | Vol. 577 (2014), pp 3-6 | 7/2014 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|------------------|----|--------------------------------|--------|
| 3 | Numerical Simulation of Nanoindentation of Single Wall Carbon Nanotube Reinforced Epoxy Composite | 2 | x | Applied Mechanics and Materials, Online ISSN: 1662-7482 | Scopus | 3 | Vols 764-765 (2015), pp 66-70 | 5/2015 |
| 4 | Fabrication And Characterization Of SWCNT-Reinforced Polyester Nanocomposites Using Tensile Test And Nanoindentation Techniques | 2 | x | Advanced Materials Letters, Print ISSN: 0976-3961 Online ISSN: 0976-397X | | 1 | Vol 6(8), pp 711-716 | 6/2015 |
| 5 | Mechanical Characterization of Carbon Nanotube-Reinforced Polymer Nanocomposite by Nanoindentation Using Finite Element Method | 2 | x | Sensors and Materials, ISSN 0914-4935 | SCIE (0.847, Q3) | 4 | Vol 27(8), pp 617-624 | 2/2015 |
| 6 | Effect of Nano-Fillers on the Strength Reinforcement of Novel Hybrid Polymer Nanocomposites | 2 | x | Materials and Manufacturing Processes, Print ISSN: 1042-6914 Online ISSN: 1532-2475 | SCIE (4.616, Q1) | 20 | Vol 31(8), pp 1505290-85037009 | 5/2015 |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | | |
| 7 | Thermal and Mechanical Behavior of Hybrid Polymer Nanocomposite Reinforced with Graphene Nanoplatelets | 2 | x | Materials, ISSN: 1996-1944 | SCIE (3.748, Q1) | 67 | Vol 8(8), pp 5526-5536 | 8/2015 |
| 8 | Optimal design of process | 2 | | International Journal of | SCIE (0.743, | 3 | Vol 52,Nos | 2016 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|------------------|---|---------------------|---------|
| | parameters, experimental fabrication and characterisation of a novel hybrid polymer nanocomposite | | | Materials and Product Technology, ISSN: 0268-1900 eISSN: 1741-5209 | Q3) | | 3/4, pp 362-380 | |
| 9 | An Optimization Case Study on Single Point Incremental Forming | 3 | | Key Engineering Materials, Online ISSN: 1662-9795 | Scopus | 0 | Vol 86, pp 95-100 | 9/2020 |
| 10 | Improving the Melt Flow Length of Acrylonitrile Butadiene Styrene in Thin-Wall Injection Molding by External Induction Heating with the Assistance of a Rotation Device | 2 | | Polymers, ISSN: 2073-4360 | SCIE (4.967, Q1) | 3 | Vol 13(14), pp 2288 | 7/2021 |
| 11 | Tensile Properties of Hybrid Thermoset Nanocomposite Reinforced with Multi-Walled Carbon Nanotubes | 1 | x | Journal of Technical Education Science, P-ISSN: 2615-9740 | | 0 | No 47, pp 51-57 | 5/2018 |
| 12 | Optimization of Nanosilica Fabrication Technology Process and Its Application in Rubber Composite Material Production | 1 | x | Journal of Technical Education Science, P-ISSN: 2615-9740 | | 0 | No. 55, pp 94-99 | 12/2019 |
| 13 | Influence of Nanosilica in Mechanical Property of | 1 | x | 2018 4th International Conference on Green | | 1 | Vol 1, pp 237-240 | 12/2018 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|------------------|---|---------------------|--------|
| | Natural Rubber Composite | | | Technology and Sustainable Development (GTSD), IEEE, eISBN:978-1-5386-5126-1, Print:ISBN:978-1-5386-5127-8 | | | | |
| 14 | Researching and Applying the Line Balancing Methods in Optimizing Automobile Assembly Lines | 2 | x | Applied Mechanics and Materials, Online ISSN: 1662-7482 | Scopus | 2 | Vol 889, pp 574-579 | 3/2019 |
| 15 | A Risk Management Tool for the Reverse Supply Chain Network | 2 | x | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE), IEEE, Electronic ISSN: 2325-0925 | | 2 | Vol 1, pp 391-396 | 9/2019 |
| 16 | A Decision Support Model in Additive Manufacturing and CNC Machining | 3 | x | 2019 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE), IEEE, Electronic ISSN: 2325-0925 | | 1 | Vol 1, pp 672-676 | 9/2019 |
| 17 | Building a Support System for Time Study to Calculate The Standard Time at Production Line | 2 | x | 2021 International Conference on System Science and Engineering (ICSSE), IEEE, Electronic ISSN: 2325-0925 | | 0 | Vol 1, pp 437-441 | 9/2021 |
| 18 | A Novel Multi-Criteria Assessment Approach for Post-COVID-19 | 2 | x | Sustainability, Online ISSN: 2071-1050 | SCIE (3.889, Q2) | | Vol 14(8), pp 4732 | 4/2022 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|-----------------------------------|------------------|---|---------------------|--------|
| | Production Strategies in Vietnam Manufacturing Industry: OPA-Fuzzy EDAS Model | | | | | 0 | | |
| 19 | An Offshore Wind-Wave Energy Station Location Analysis by a Novel Behavioral Dual-Side Spherical Fuzzy Approach: The Case Study of Vietnam | 2 | x | Applied Sciences, ISSN: 2076-3417 | SCIE (2.838, Q2) | 0 | Vol 12(10), pp 5201 | 5/2022 |
| 20 | A Behavior-Simulated Spherical Fuzzy Extension of Integrated Multi-Criteria Decision-Making Approach | 2 | x | Symmetry, ISSN: 2073-8994 | SCIE (2.940, Q2) | 0 | Vol 14(6), pp 1136 | 5/2022 |

- Trong đó: Số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: có 06 bài báo SCIE với số thứ tự [7], [8], [10], [18], [19], [20] và 02 bài báo thuộc danh mục Scopus với số thứ tự [9], [14].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|---|--------------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1 | Cơ cấu phân bố khí nóng trong thiết bị gia nhiệt khuôn phun ép nhựa và thiết bị gia nhiệt chứa cơ cấu này | Cục sở hữu trí tuệ | 11/8/2021 | Phạm Sơn Minh/Lê Minh Tài | 2 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: Đồng tác giả **01** bằng độc quyền sáng chế

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Lê Minh Tài', written over a horizontal line.

Lê Minh Tài